

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HS-ST

Ngày 02 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trí Thức

Bà Nguyễn Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn P, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1993 tại Bắc Ninh. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Phùng H; có vợ là Ngô Q và 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2018; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ ngày 16/4/2018, tạm giam ngày 19/4/2018 cho đến nay. Có mặt.

2. Chu P, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1997 tại Lạng Sơn. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu K và bà Nguyễn Xn; có chồng là Nguyễn H và 02 con, con lớn sinh năm 2015 con nhỏ sinh năm 2018; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn N, sinh năm 1971. Địa chỉ: khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Trần Y. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15 tháng 4 năm 2018, khi đang ngồi uống nước tại quán cà phê Nhà Tròn ở đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, Nguyễn P bàn với Chu P giả vờ khoác vai nhau đi bộ quan sát đề trộm cắp tài sản. Nguyễn P và Chu P khoác vai nhau đi bộ trong khu vực Công viên bờ sông, rồi đi bộ vào khu V. Khi đi đến trước cửa nhà số P khu V, Nguyễn P nhìn thấy trong nhà dựng chiếc xe mô tô đã nảy sinh ý định trộm cắp xe nhãn hiệu HONDA LEAD, biển kiểm soát 12 P1-126.60 của chị Nguyễn N. Nguyễn P quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, Nguyễn P bảo Chu P đứng ngoài canh giới, còn Nguyễn P đẩy cửa kính đi vào dắt chiếc xe mô tô ra ngoài mở ổ khóa điện điều khiển xe đi đến phòng trọ của chị Trần Y. Ngay sau khi Nguyễn P dắt xe ra khỏi nhà, chị Nguyễn N phát hiện đã chạy từ trong nhà ra hô hoán, cùng mọi người giữ Chu P và đưa về trụ sở Công an để lập biên bản sự việc.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn P. Quá trình điều tra, Nguyễn P còn khai nhận thêm ngày 12 tháng 4 năm 2018 đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, biển kiểm soát 12D1-123.89 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã chuyển hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Biên bản định giá tài sản số 67/ĐGTSTT ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố Lạng Sơn xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 12P1-126.60 có giá trị 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 18 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn P và Chu P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn P và Chu P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn P từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Chu P từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì qua xác minh các bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Về xử lý vật chứng căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự: Trả lại 01 điện thoại Iphone 6 plus cho Nguyễn P; xác nhận đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 12P1-126.60 cho chị Nguyễn N; đã

trả điện thoại cho Trần Y và Chu P. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15 tháng 4 năm 2018, tại nhà số P, khu V, khối Cửa Bắc, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Nguyễn P và Chu P đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 12P1-126.60 của chị Nguyễn N, xe mô tô có giá trị 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12P1-126.60. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng được tổ chức dưới hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có sự chỉ đạo, cấu kết chặt chẽ, phân công trách nhiệm từng người đồng phạm. Do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về một điều luật quy định. Đánh giá vai trò của các đồng phạm: Bị cáo Nguyễn P là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô. Bị cáo Chu P là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo Nguyễn P và đứng ngoài cảnh giới để bị cáo Nguyễn P thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó bị cáo Nguyễn P có vai trò chính, bị cáo Chu P có vai trò thấp hơn.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này

luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo là người thiếu tu dưỡng, lười lao động, tuổi đời còn trẻ. Bị cáo Nguyễn P là người sử dụng chất ma túy.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, lần phạm tội này là lần đầu; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do đó, các bị cáo cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Chu P đang nuôi con nhỏ, con lớn sinh ngày 27/7/2015, con nhỏ sinh ngày 06/02/2018 và hiện bị cáo Chu P đang điều trị bệnh Luput ban đỏ nên Hội đồng xét xử cho bị cáo Chu P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Tại phiên tòa bị cáo Chu P khai từ nhỏ sống với ông nội Chu K, mấy năm gần đây mới sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Ông nội bị cáo từng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến. Tuy nhiên, ngoài lời khai tại phiên tòa trên thì không có chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn P là người có vai trò chính trong vụ án, ngoài ra có căn cứ ngoài lần phạm tội này bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn khác, nên cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo.

[10] Đối với bị cáo Chu P là người bị rủ rê lôi kéo, nhất thời phạm tội, bị cáo là người có vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, hồ sơ thể hiện bị cáo từ trước tới nay chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Chu P có khả năng tự cải tạo, nên chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[11] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, mức hình phạt và các vấn đề khác, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định.

[12] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh thể hiện các bị cáo không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 điện thoại IPHONE 6 PLUS, màu trắng bạc cho Nguyễn P, vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

[14] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ngày 24 tháng 5 năm 2018 Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô biển kiểm soát 12P1-126.60 cho chị Nguyễn N, chị Nguyễn N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn P và Chu P phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn P 01 (một) năm tù (*căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự*). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/4/2018.

- Xử phạt bị cáo Chu P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự*). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Nguyễn P 01 điện thoại IPHONE 6 PLUS, màu trắng bạc, IMEI: 352044079437556 đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2018).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn P và Chu P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn